

Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---	---

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ Mã hồ sơ:	ẢNH 4x6
--	----------------

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Đình Duy
2. Ngày tháng năm sinh: 6/10/1974. Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Thủy Châu, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa-Thiên Huế.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 8.06 Cao ốc An Cư, 8 Thái Thuận, Phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Địa chỉ liên hệ: Trường ĐH Công Nghệ Thông Tin, ĐHQG-HCM Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh .
- Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0837592015;
- Địa chỉ E-mail: duyld@uit.edu.vn
7. Quá trình công tác:
- Từ năm 09/1995 đến năm 06/2003: Trợ giảng, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.Khoa Công nghệ Thông tin
- Từ năm 06/2003 đến năm 03/2012: Giảng viên, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.Khoa Công nghệ Thông tin
- Từ năm 04/2012 đến năm 07/2019: Giảng viên, Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.Khoa Khoa học Máy tính
- Từ năm 04/2017 đến năm 07/2019: Trưởng Phòng, Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa học Công nghệ
- Từ năm 08/2018 đến năm 07/2019: Trưởng Bộ môn, Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.Bộ môn Công nghệ Tri thức và Máy học, Khoa Khoa học Máy tính
- Từ năm 10/2006 đến năm 09/2008: PostDoc, Viện Công Nghệ Thông Tin Quốc Gia, Nhật Bản, (National Institute of Informatics, Japan) 2-1-2 Hitotsubashi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan 101-8430.
- Từ năm 10/2008 đến năm 03/2013: Assistant Professor, Viện Công Nghệ Thông Tin Quốc Gia, Nhật Bản, (National Institute of Informatics, Japan) 2-1-2 Hitotsubashi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan 101-8430.

- Từ năm 10/2008 đến năm 03/2013: Assistant Professor, Đại học Nghiên cứu Tổng hợp SOKENDAI, Nhật Bản, (The Graduate University for Advanced Studies (SOKENDAI), Japan) Shonankokusaimura, Hayama, Miura District, Kanagawa, Japan 240-0193.
- Từ năm 04/2013 đến năm 11/2016: Associate Professor, Viện Công Nghệ Thông Tin Quốc Gia, Nhật Bản, (National Institute of Informatics, Japan) 2-1-2 Hitotsubashi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan 101-8430.
- Từ năm 04/2013 đến năm 11/2016: Associate Professor, Đại học Nghiên cứu Tổng hợp SOKENDAI, Nhật Bản, (The Graduate University for Advanced Studies (SOKENDAI), Japan) Shonankokusaimura, Hayama, Miura District, Kanagawa, Japan 240-0193.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa học Công nghệ; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Phòng.
Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa học Công nghệ; Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM; Bộ.....

Địa chỉ cơ quan: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 02837251993.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học;: Không có.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 11 tháng 08 năm 1995, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam/277 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

– Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 04 năm 2000, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam/227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

– Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 09 năm 2006, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Nghiên cứu Tổng hợp SOKENDAI, Nhật Bản/Shonankokusaimura, Hayama, Miura District, Kanagawa, Japan 240-0193

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: Không có., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQGTPHCM.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Thị giác Máy tính (Computer Vision), Nhận dạng (Pattern Recognition), Phân tích và Truy vấn Thông tin đa phương tiện (Multimedia Analysis and Retrieval)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã công bố (số lượng) 6 bài báo KH trong nước, 75 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó có 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Bài báo khoa học tiêu biểu

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Loại công bố (chỉ số IF)	Tên tạp chí, kỉ yếu khoa học	Tập	Số	Trang	Năm xuất bản
1	Efficient Large-scale Multi-class Image Classification By Learning Balanced Trees	Tien-Dung Mai, Thanh Duc Ngo, Duy-Dinh Le, Duc Anh Duong, Kiem Hoang, Shin'ichi Satoh	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.645)	Computer Vision and Image Understanding (CVIU)	156		151-161	2017
2	Visual Analytics of Political Networks From Face-Tracking of News Video	Benjamin Renoust, Duy-Dinh Le, Shin'ichi Satoh	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.977)	IEEE Transactions on Multimedia (TMM)	18	11	2184-2195	2016
3	Efficient Large Scale Image Classification via Prediction Score Decomposition	Duy-Dinh Le, Tien-Dung Mai, Shin'ichi Satoh, Thanh Duc Ngo, Duc Anh Duong	Khác	European Conference on Computer Vision (ECCV)	6		770-785	2016
4	Auto Face Re-ranking By Mining The Web And Video Archives	Duy-Dinh Le, Shin'ichi Satoh	Khác	IEEE Conference on Computer Vision and Pattern Recognition (CVPR)			2965-2972	2012
5	Unsupervised Face Annotation By Mining The Web	Duy-Dinh Le, Shin'ichi Satoh	Khác	IEEE International Conference on Data Mining (ICDM)			383-392	2008

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không có.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Đạt

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 11 năm.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
3 thâm niên cuối								
1	2017	0	30	30	108	0	45	213
2	2018	0	30	0	81	417	45	573
3	2019	0	0	0	14	648	270	931

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

– Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:

– Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☒; Tại nước: Nhật Bản năm: 2006

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... ; Số bằng: ... ; Năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): The Graduate University for Advanced Studies (SOKENDAI), Nhật Bản Trường ĐH Công nghệ Thông Tin, ĐHQG-HCM, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Tốt

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Lâm Quang Vũ	✓			✓	08/2012 đến 11/2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM	2018
2	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		✓	✓		03/2017 đến 12/2017	Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM	2017
3	Võ Nhựt Thanh		✓	✓		04/2015 đến 12/2017	Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM	2015

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Giáo trình Đồ hoạ Máy tính	Giáo trình (ĐH, SĐH)	NXB Đại học Quốc Gia Tp. HCM, 2010	4	Viết chung	03/GCN-ĐHCNTT
2	Face Detection, Tracking, and Recognition for Broadcast Video (Encyclopedia of Multimedia)	Sách tham khảo	Springer, 2008	3	Viết chung	

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Hệ thống phát hiện trộm dùng mạng cảm biến camera	Chủ nhiệm	C2013-26-01, Bộ/Sở	03/2013 đến 09/2014	20/10/2014

2	Gán nhãn ảnh trong cơ sở dữ liệu lớn	Chủ nhiệm	B2015-26-01, Bộ/Sở	05/2015 đến 11/2018	24/01/2019
---	--------------------------------------	-----------	-----------------------	------------------------	------------

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1	A Multi-Stage Approach to Fast Face Detection	2	IEICE Transactions on Information and Systems	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.500)	19	89-D/7	2275-2285	2006
2	Face Retrieval in Broadcasting News Video by Fusing Temporal and Intensity Information	3	ACM International Conference on Image and Video Retrieval (CIVR)		10	/	391-400	2006
3	Robust Object Detection Using Fast Feature Selection from Huge Feature Sets	2	IEEE International Conference on Image Processing (ICIP)	Khác	7	/	961-964	2006
4	Ent-Boost: Boosting Using Entropy Measure for Robust Object Detection	2	International Conference on Pattern Recognition (ICPR)	Khác		/	602-605	2006
5	An Efficient Feature Selection Method for Object Detection	2	International Conference on Pattern Recognition and Image Analysis (ICPRIA)	Khác	15	1/	461-468	2005

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
6	YADA: You Always Dream Again for Better Object Detection	5	Multimedia Tools and Applications (MTAP)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.101)		/	1-20	2019
7	Video Instance Search Via Spatial Fusion Of Visual Words And Object Proposals	7	International Journal of Multimedia Information Retrieval (IJMIR)	Scopus (KHTN-CN)		/	1-12	2019
8	You Always Look Again: Learning To Detect The Unseen Objects	5	Journal of Visual Communication and Image Representation (JVCI)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.259)		60/	206-216	2019

9	Hệ Thống Nhận Diện Khuôn Mặt Thời Gian Thực Áp Dụng Các Kỹ Thuật Deep Learning	5	Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông			/	95-100	2019
10	Đánh Giá Các Phương Pháp Dựa Trên Deep Learning Cho Bài Toán Phát Hiện Logo	5	Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR)			/		2019
11	Video Search Based on Semantic Extraction and Locally Regional Object Proposal	7	International Conference on Multimedia Modeling (MMM)	Khác		2/	451-456	2017
12	Efficient Large-scale Multi-class Image Classification By Learning Balanced Trees	6	Computer Vision and Image Understanding (CVIU)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.645)	4	156/	151-161	2017
13	Persons-In-Places: a Deep Features Based Approach for Searching a Specific Person in a Specific Location	5	Informatica	Scopus (KHTN-CN)		41/2	149-158	2017
14	Evaluation Of Multiple Features For Violent Scenes Detection	5	Multimedia Tools and Applications (MTAP)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.101)	17	76/5	7041-7065	2017
15	Scalable Face Track Retrieval in Video Archives Using Bag-of-Faces Sparse Representation	7	IEEE Transactions on Circuits and Systems for Video Technology (TCSVT)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.558)	13	27/7	1595-1603	2017
16	Evaluation of Deep Models for Real-Time Small Object Detection	5	International Conference on Neural Information Processing (ICONIP)	Khác		3/	516-526	2017
17	Graph-based Visual Instance Mining With Geometric Matching And Nearest Candidates Selection	4	International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)			/	263-268	2017
18	Semantic Extraction and Object Proposal for Video Search	6	International Conference on Multimedia Modeling (MMM)	Khác		/	475-479	2017
19	When Face-tracking Meets Social Networks: A Story of Politics in News Videos	5	Applied Network Science (ANS)	Scopus (KHTN-CN)		1/4	1-25	2016
20	Human Action Recognition from Depth Videos Using Pool of Multiple Projections with Greedy Selection	6	IEICE Transactions on Information and Systems	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.500)		99.D/8	2161-2171	2016
21	Visual Analytics of Political Networks From Face-Tracking of News Video	3	IEEE Transactions on Multimedia (TMM)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.977)	5	18/11	2184-2195	2016

22	Video Event Detection by Exploiting Word Dependencies from Image Captions	4	International Conference on Computational Linguistics (COLING)	Khác		/	3318-3327	2016
23	Efficient Large Scale Image Classification via Prediction Score Decomposition	5	European Conference on Computer Vision (ECCV)	Khác		6/	770-785	2016
24	Using Node Relationships For Hierarchical Classification	6	IEEE International Conference on Image Processing (ICIP)	Khác		/	514-518	2016
25	News Archive Exploration Combining Face Detection and Tracking with Network Visual Analytics	4	ACM International Conference on Multimedia (ACMMM)			/	728-730	2016
26	Searching A Specific Person In A Specific Location Using Deep Features	5	Symposium on Information and Communication Technology (SOICT)			/	79-86	2016
27	Computational Optimization For Violent Scenes Detection	6	International Conference on Computer, Control, Informatics and its Applications (IC3INA)			/	141-146	2016
28	Clustering Web Video Search Results With Convolutional Neural Networks	6	National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS)			/	135-140	2016
29	A Multi-feature Integration Method For Clustering Web Video Search Results	5	Chuyên san CNTT&TT – Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật, Học viện Kỹ thuật Quân sự (LQDTU-JICT)			8/	63-83	2016
30	Sử Dụng Deep Neural Networks Biểu Diễn Các Thuộc Tính Cho Bài Toán Phát Hiện Cảnh Báo Lừa Trong Video	6	Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR)			/	678-686	2016
31	A Combination of Spatial Pyramid and Inverted Index for Large-Scale Image Retrieval	5	International Journal of Multimedia Data Engineering and Management (IJMDEM)	ISI (KHTN-CN)	9	6/2	37-51	2015
32	Learning Balanced Trees for Large Scale Image Classification	6	International Conference on Image Analysis and Processing (ICIAP)	Khác		2/	3-13	2015
33	Multimedia Event Detection Using Event-Driven Multiple Instance Learning	3	ACM International Conference on Multimedia (ACMMM)	Khác		1/	1255-1258	2015
34	AttRel: An Approach to Person Re-Identification by Exploiting Attribute Relationships	5	International Conference on Multimedia Modeling (MMM)	Khác	10	2/	50-60	2015
35	NII-UIT Browser: A Multimodal Video Search System	6	International Conference on Multimedia Modeling (MMM)	Khác		2/	278-281	2015

36	Human Action Recognition From Depth Videos Using Multi-projection Based Representation	5	IEEE International Workshop on Multimedia Signal Processing (MMSP)	Khác		/	1-6	2015
37	Large Scale Multi-class Classification Using Latent Classifiers	6	IEEE International Workshop on Multimedia Signal Processing (MMSP)	Khác		/	1-6	2015
38	Query-Adaptive Late Fusion With Neural Network For Instance Search	6	IEEE International Workshop on Multimedia Signal Processing (MMSP)	Khác	6	/	1-6	2015
39	Cross-View Action Recognition by Projection-Based Augmentation	5	Pacific-Rim Symposium on Image and Video Technology (PSIVT)	Khác		/	215-227	2015
40	A Social Network Analysis of Face Tracking in News Video	4	International Conference on Signal-Image Technology & Internet-Based Systems (SITIS)			/	474-481	2015
41	The Video Browser Showdown: A Live Evaluation Of Interactive Video Search Tools	12	International Journal of Multimedia Information Retrieval (IJMIR)	Scopus (KHTN-CN)	45	3/2	113-127	2014
42	Multimedia Event Detection Using Segment-Based Approach for Motion Feature	7	Journal of Signal Processing Systems (JSPS)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 1.088)	10	74/1	19-31	2014
43	Sum-max Video Pooling For Complex Event Recognition	3	IEEE International Conference on Image Processing (ICIP)	Khác		/	1026-1030	2014
44	Integrating Spatial Information into Inverted Index for Large-Scale Image Retrieval	5	IEEE International Symposium on Multimedia (ISM)	Khác	7	/	102-105	2014
45	Using Attribute Relationships for Person Re-Identification	5	International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)			/	195-207	2014
46	NII-UIT: A Tool for Known Item Search by Sequential Pattern Filtering	7	International Conference on Multimedia Modeling (MMM)	Khác	7	/	419-422	2014
47	Recommend-Me: Recommending Query Regions For Image Search	4	Annual ACM Symposium on Applied Computing (SAC)	Khác		/	913-918	2014
48	Image Annotation Fusing Content-Based and Tag-Based Technique Using Support Vector Machine and Vector Space Model	4	International Conference on Signal-Image Technology & Internet-Based Systems (SITIS)			/	272-276	2014
49	An Efficient Branch-and-Bound Based Approach For Object Co-segmentation	3	National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS)			/		2014

50	Scalable Approaches For Content Based Video Retrieval	3	Progress in Informatics	Khác		11/	31-39	2014
51	Face Retrieval in Large-Scale News Video Datasets	4	IEICE Transactions on Information and Systems	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.500)	10	96-D/8	1811-1825	2013
52	Efficient Traffic Sign Detection Using Bag of Visual Words and Multi-scales SIFT	3	International Conference on Neural Information Processing (ICONIP)	Khác	9	3/	433-441	2013
53	A Classification-Based Approach for Retake and Scene Detection in Rushes Video	4	International Conference on Neural Information Processing (ICONIP)	Khác		3/	608-615	2013
54	Person Re-identification Using Deformable Part Models	5	International Conference on Neural Information Processing (ICONIP)	Khác		3/	616-623	2013
55	NII-UIT-VBS: A Video Browsing Tool for Known Item Search	7	International Conference on Multimedia Modeling (MMM)	Khác	9	/	547-549	2013
56	Evaluation of Low-level Features For Detecting Violent Scenes In Videos	6	International Conference on Soft Computing and Pattern Recognition (SoCPaR)	Khác		/	213-218	2013
57	Re-ranking For Person Re-identification	6	International Conference on Soft Computing and Pattern Recognition (SoCPaR)			/	304-308	2013
58	Eye Localization In Video By Combining Eye Detector And Eye Tracker	5	Journal of Computer Science and Cybernetics (Tạp chí TH&ĐK)	Khác		29/2	173-185	2013
59	Violent Scene Detection Using Mid-level Feature	6	Symposium on Information and Communication Technology (SOICT)			/	198-205	2013
60	Auto Face Re-ranking By Mining The Web And Video Archives	2	IEEE Conference on Computer Vision and Pattern Recognition (CVPR)	Khác		/	2965-2972	2012
61	Robust Eye Localization In Video By Combining Eye Detector And Eye Tracker	7	International Conference on Pattern Recognition (ICPR)	Khác		/	242-245	2012
62	Multimedia Event Detection Using Segment-Based Approach for Motion Feature	7	Pacific-Rim Conference on Multimedia (PCM)	Khác		/	33-44	2012
63	Indexing Faces in Broadcast News Video Archives	2	IEEE International Conference on Data Mining Workshops			/	519-526	2011
64	Improving Image Categorization by Using Multiple Instance Learning with Spatial Relation	3	International Conference on Image Analysis and Processing (ICIAP)	Khác		/	108-117	2011

65	Improving Retake Detection by Adding Motion Feature	4	International Conference on Image Analysis and Processing (ICIAP)	Khác		/	150-157	2011
66	Boosting Global Scene Classification Accuracy By Discriminative Region Localization	3	IEEE International Conference on Image Processing (ICIP)	Khác		/	1053-1056	2011
67	Fast Face Sequence Matching In Large-scale Video Databases	7	IEEE International Conference on Image Processing (ICIP)	Khác		/	2549-2552	2011
68	Summarizing Large News Video Archives by Event Ranking	2	IEEE International Conference on Semantic Computing (ICSC)			/	228-234	2011
69	A Comprehensive Study of Feature Representations for Semantic Concept Detection	2	IEEE International Conference on Semantic Computing (ICSC)			/	235-238	2011
70	An Efficient Method For Face Retrieval From Large Video Datasets	6	ACM International Conference on Image and Video Retrieval (CIVR)		19	/	382-389	2010
71	Unsupervised Face Annotation By Mining The Web	2	IEEE International Conference on Data Mining (ICDM)	Khác	34	/	383-392	2008
72	Rushes Summarization Using Different Redundancy Elimination Approaches	5	ACM TRECVID Video Summarization Workshop		8	/	100-104	2008
73	A Text Segmentation Based Approach To Video Shot Boundary Detection	4	IEEE International Workshop on Multimedia Signal Processing (MMSP)	Khác	12	/		2008
74	Robust Face Track Finding in Video Using Tracked Points	4	International Conference on Signal-Image Technology & Internet-Based Systems (SITIS)		15	/	59-64	2008
75	Ent-Boost: Boosting Using Entropy Measures For Robust Object Detection	2	Pattern Recognition Letters	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.810)	30	28/9	1083-1090	2007
76	Finding Important People in Large News Video Databases Using Multimodal and Clustering Analysis	4	IEEE International Conference on Data Engineering Workshop		12	/	127-136	2007
77	Boosting Face Retrieval by using Relevant Set Correlation Clustering	3	IEEE International Conference on Multimedia and Expo (ICME)	Khác		/	524-527	2007
78	National Institute Of Informatics, Japan At TRECVID 2007: BBC Rushes Summarization	2	ACM TRECVID Video Summarization Workshop		19	/	70-73	2007

Chú thích: (*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có.

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1	Information Processing Apparatus, Method, Program and Record Medium	Japan Pattern Office	06/12/2013	5

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

Không có.

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

Không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

Không có.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày..... tháng..... năm 201...

Người đăng ký

(Ghi rõ họ tên, ký tên)

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

..., ngày.....tháng.....năm 201...

Thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)